

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: T41/NUTRICARE/2021

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG

COLOS GLUCARE

Năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T41/NUTRICARE/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368

Mã số doanh nghiệp : 0104937284

Số giấy chứng nhận cấp cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp/ Nơi cấp:

(Không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng Colos Glucare

2. Thành phần: Đạm (Đạm sữa, Đạm đậu nành, Đạm whey), Béo thực vật, Đường ăn kiêng (Palatinose (9%), Isomalt (9%), Maltitol (5%)), Fructose, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Sữa non, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Maltodextrin, Cholin, Taurin, Hương Vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Đạm sữa, Đạm đậu nành.

3. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Hộp/Lon/Túi. KLT: 20 g, 25 g, 40 g, 47 g, 50 g, 200 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:



Nhà máy CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh

Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn phụ sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. Theo quy định của các văn bản kỹ thuật

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

2. Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 41/2021/TCSP – NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

THÔNG TIN DINH DƯỠNG
NUTRITIONAL INFORMATION

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g Per 100g	Trong 1ly pha (trong 210ml) Per serving
Năng lượng/Energy	kcal	410	185
Đạm/Protein	g	18.5	8.30
BCAA	mg	2712	1220
Chất béo/Lipid	g	15.3	6.90
MUFA	mg	4907	2208
PUFA	mg	1960	882
Omega 3	mg	170	76.4
Omega 6	mg	1465	659
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	59.7	26.8
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	4.70	2.10
Prebiotics (Polydextrose)	g	13.8	6.20
Sữa non/Colostrum	g	3.65	1.64
IgG	mg	800	360
Lactoferrin	mg	18.3	8.20
Taurin/Taurine	mg	6.90	3.10
Cholin/Choline	mg	78.9	35.5
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1350	607
Vitamin D3	IU	359	162
Vitamin E	IU	7.20	3.24
Vitamin K1	µg	20.7	9.30
Vitamin C	mg	76.6	34.5
Vitamin B1	µg	794	357
Vitamin B2	µg	599	270
Niacin	µg	9243	4159
Acid pantothenic/Pantothenic acid	µg	3356	1510
Vitamin B6	µg	1132	509
Acid folic/Folic acid	µg	60.0	27.0
Vitamin B12	µg	5.20	2.30
Biotin	µg	23.2	10.4
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	279	125
Kali/Potassium	mg	401	180
Clor/Chloride	mg	363	163
Canxi/Calcium	mg	466	210
Phốt pho/Phosphorus	mg	312	140
Magiê/Magnesium	mg	66.5	29.9
Sắt/Iron	mg	4.00	1.80
Kẽm/Zinc	mg	13.0	5.85
Mangan/Manganese	µg	945	425
Đồng/Copper	µg	352	158
I-ốt/Iodine	µg	66.0	29.7
Selen/Selenium	µg	16.0	7.20
Crom/Chromium	µg	53.7	24.2
Molybden/Molybdenum	µg	17.3	7.80

Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Đạm (Đạm sữa, Đạm đậu nành, Đạm whey), Béo thực vật, Đường ăn kiêng (Palatinose (9%), Isomalt (9%), Maltitol (5%)), Fructose, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Sữa non, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Maltodextrin, Cholin, Taurin, Hương Vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.
Sản phẩm có chứa Đạm sữa, Đạm đậu nành.

Protein (Milk protein, Soy protein, Whey protein), Vegetable fat, Sugar substitutes (Palatinose (9%), Isomalt (9%), Maltitol (5%)), Fructose, Prebiotics (Polydextrose), Colostrum, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), Maltodextrin, Choline, taurine, Synthetic vanilla flavor.
Product contains Milk protein, Soy protein.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Colos Glucare thích hợp với người đái tháo đường, tiền đái tháo đường và đái tháo đường thai kỳ; người cần tăng cường miễn dịch, bồi bổ sức khỏe và ổn định đường huyết. Dùng cho người lớn và trẻ từ 3 tuổi.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa Galactose.
Colos Glucare is suitable for people with diabetes, pre-diabetes and gestational diabetes; people who need to enhance immunity, improve health and stabilize blood sugar. Suitable for adults and children from 3 years old.
Note: Product may contain Galactose.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.
Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

* 800 mg IgG/100 g sản phẩm
** Giảm phần ứng đường huyết sau khi tiêu thụ, duy trì đường huyết ở mức cân bằng trên nhãn.



Colos Glucare

SỮA NON HỖ TRỢ MIỄN DỊCH CHO NGƯỜI ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

IgG 800 mg*

HỖ TRỢ TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Omega 3

TỐT CHO TIM MẠCH, PHÒNG ĐỘT QUỴ

Polydextrose

HỖ TRỢ TIÊU HÓA TĂNG HẤP THU

HỆ ĐƯỜNG GI THẤP*

GIÚP ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT**

Thực phẩm bổ sung
Sản phẩm dinh dưỡng

Product of
NUTRICARE

Khối lượng tịnh
400 g | NGUYÊN LIỆU CHÍNH
TỪ MỸ, CHÂU ÂU

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG COLOS GLUCARE

CRÔM | ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT

Hệ đường tiên tiến (Palatinose, Isomalt, Maltitol) có chỉ số đường huyết thấp và **Crôm** được cơ quan ATPP Châu Âu EFSA công nhận tác dụng ổn định đường huyết.

SỮA NON | TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Sữa non từ Mỹ chứa kháng thể **IgG 800 mg***, cùng **Vitamin C, Kẽm** giúp tăng cường sức đề kháng. Bổ sung **39 dưỡng chất** cho người dài thọ dưỡng.

HỆ ĐƯỜNG GI THẤP*

OMEGA 3 | TỐT CHO TIM MẠCH, PHÒNG ĐỘT QUỴ

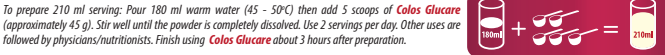
Chất béo **MUFA, PUFA** giúp hạn chế Cholesterol xấu, tốt cho sức khỏe tim mạch, cùng **Omega 3** hỗ trợ phòng chống đột quỵ.

CHẤT XƠ | TỐT CHO TIÊU HÓA TĂNG HẤP THU

Chất xơ (**Polydextrose**) giúp giảm táo bón, hỗ trợ hấp thu đường chất. Không chứa Lactose giúp giảm tình trạng đầy bụng, phù hợp cho người bất dung nạp đường Lactose.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

Cho từ từ 5 muỗng gạt **Colos Glucare** (tương đương 45 g) vào 180 ml nước đun sôi để nguội (45 - 50°C), khuấy đều sẽ được khoảng 210 ml **Colos Glucare**.
Nên uống 2 ly mỗi ngày. Các hình thức sử dụng khác theo chỉ định của bác sĩ. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng trong vòng 3 giờ.



To prepare 210 ml serving: Pour 180 ml warm water (45 - 50°C) then add 5 scoops of **Colos Glucare** (approximately 45 g). Stir well until the powder is completely dissolved. Use 2 servings per day. Other uses are followed by physicians/nutritionists. Finish using **Colos Glucare** about 3 hours after preparation.

Sản xuất & chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Sản xuất tại: Nhà máy **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam. Điện thoại: 024.66.833.368
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,
Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,
Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Số CBSP: T41/NUTRICARE/2021
NSX và HSD: Xem trên bao bì.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BÁC: 1800.6011
MIỄN NAM: 028.73.009.888
www.nutricare.vn/vn



THÔNG TIN DINH DƯỠNG NUTRITIONAL INFORMATION			
Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g Per 100g	Trong 1 ly pha chua (210 ml) Per serving
Năng lượng/Energy	kcal	410	185
Đạm/Protein	g	18.5	8.30
BCAA	mg	2712	1220
Chất béo/Lipid	g	15.3	6.90
MUFA	mg	4907	2208
PUFA	mg	1960	882
Omega 3	mg	170	76.4
Omega 6	mg	1465	659
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	59.7	26.8
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	4.70	2.10
Prebiotics (Polydextrose)	g	4.70	2.10
Polys	g	13.8	6.20
Sữa non/Colostrum	g	3.65	1.64
IgG	mg	800	360
Lactoferrin	mg	18.3	8.20
Taurin/Taurine	mg	6.90	3.10
Cholin/Choline	mg	78.9	35.5
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1350	607
Vitamin D3	IU	359	162
Vitamin E	IU	7.20	3.24
Vitamin K1	µg	20.7	9.30
Vitamin C	mg	76.6	34.5
Vitamin B1	µg	794	357
Vitamin B2	µg	599	270
Niacin	µg	9243	4159
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	3356	1510
Vitamin B6	µg	1132	509
Axit folic/Folic acid	µg	60.0	27.0
Vitamin B12	µg	5.20	2.30
Biotin	µg	23.2	10.4
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	279	125
Kali/Potassium	mg	401	180
Clor/Chloride	mg	363	163
Canxi/Calcium	mg	466	210
Phot pho/Phosphorus	mg	312	140
Magiê/Magnesium	mg	66.5	29.9
Sắt/Iron	mg	4.00	1.80
Kẽm/Zinc	mg	13.0	5.85
Mangan/Manganese	µg	945	425
Đồng/Copper	µg	352	158
I-ốt/Iodine	µg	66.0	29.7
Selen/Selenium	µg	16.0	7.20
Crôm/Chromium	µg	53.7	24.2
Molypden/Molybdenum	µg	17.3	7.80

Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Đạm (Đạm sữa, Đạm đậu nành, Đạm whey), Béo thực vật, Đường ăn kiêng (Palatinose (9%), Isomalt (9%), Maltitol (5%)), Fructose, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Sữa non, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Maltodextrin, Cholin, Taurin, Hương Vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Đạm sữa, Đạm đậu nành.

Protein (Milk protein, Soy protein, Whey protein), Vegetable fat, Sugar substitutes (Palatinose (9%), Isomalt (9%), Maltitol (5%)), Fructose, Prebiotics (Polydextrose), Colostrum, Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite, Chromium chloride, Sodium molybdate), Maltodextrin, Choline, Taurine, Synthetic vanilla flavor.

Product contains Milk protein, Soy protein.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Colos Glucare thích hợp với người đái tháo đường, tiền đái tháo đường và đái tháo đường thai kỳ; người cần tăng cường miễn dịch, bồi bổ sức khỏe và ổn định đường huyết. Dùng cho người lớn và trẻ từ 3 tuổi.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa Galactose.

Colos Glucare is suitable for people with diabetes, pre-diabetes and gestational diabetes; people who need to enhance immunity, improve health and stabilize blood sugar. Suitable for adults and children from 3 years old.

Note: Product may contain Galactose.

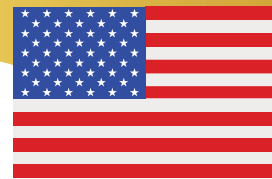
BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

* 800 mg IgG/100 g sản phẩm

** Giảm phản ứng đường huyết sau khi tiêu thụ, duy trì đường huyết ở mức cân bằng



SỮA NON
TỪ
USA

Colos Glucare

SỮA NON HỖ TRỢ MIỄN DỊCH CHO NGƯỜI ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

IgG 800 mg*

HỖ TRỢ TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Omega 3

TỐT CHO TIM MẠCH, PHÒNG ĐỘT QUỴ

Polydextrose

HỖ TRỢ TIÊU HÓA
TĂNG HẤP THU

HỆ ĐƯỜNG
GI THẤP*
GIÚP ỔN ĐỊNH **
ĐƯỜNG HUYẾT

Thực phẩm bổ sung
Sản phẩm dinh dưỡng

Product of
NUTRICARE

Khối lượng tịnh | NGUYÊN LIỆU CHÍNH
800 g | TỪ MỸ, CHÂU ÂU

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG COLOS GLUCARE



CRÔM | ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT

Hệ đường tiên tiến (Palatinose, Isomalt, Maltitol) có chỉ số đường huyết thấp và **Crôm** được cơ quan ATPP Châu Âu EFSA công nhận tác dụng ổn định đường huyết.

SỮA NON | TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH

Sữa non từ Mỹ chứa kháng thể **IgG 800 mg***, cùng **Vitamin C, Kẽm** giúp tăng cường sức đề kháng. Bổ sung **39 dưỡng chất** cho người đái tháo đường.

OMEGA 3

TỐT CHO TIM MẠCH,
PHÒNG ĐỘT QUỴ

Chất béo **MUFA, PUFA** giúp hạn chế Cholesterol xấu, tốt cho sức khỏe tim mạch, cùng **Omega 3** hỗ trợ phòng chống đột quỵ.

CHẤT XƠ | TỐT CHO TIÊU HÓA
TĂNG HẤP THU

Chất xơ (Polydextrose) giúp giảm táo bón, hỗ trợ hấp thu dưỡng chất. Không chứa Lactose giúp giảm tình trạng đầy bụng, phù hợp cho người bất dung nạp đường Lactose.



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

Cho từ từ 5 muỗng gạt **Colos Glucare** (tương đương 45 g) vào 180 ml nước đun sôi để nguội (45 - 50°C), khuấy đều sẽ được khoảng 210 ml **Colos Glucare**.

Nên uống 2 ly mỗi ngày. Các hình thức sử dụng khác theo chỉ định của bác sĩ. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng trong vòng 3 giờ.

To prepare 210 ml serving: Pour 180 ml warm water (45 - 50°C) then add 5 scoops of **Colos Glucare** (approximately 45 g). Stir well until the powder is completely dissolved. Use 2 servings per day. Other uses are followed by physicians/nutritionists. Finish using **Colos Glucare** about 3 hours after preparation.



Sản xuất & chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.
Sản xuất tại: Nhà máy **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
Địa chỉ: Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh, Việt Nam. Điện thoại: 024.66.833.368
Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Số CBSP: T41/NUTRICARE/2021
NSX và HSD: Xem trên bao bì.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BÁC: 1800.6011 | Miền ghi cước gọi điện
MIỄN NAM: 028.73.009.888
www.nutricare.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 41/2021/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A- TT2, Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng Colos Glucare

2. Thành phần cấu tạo

Đạm (Đạm sữa, Đạm đậu nành, Đạm whey), Béo thực vật, Đường ăn kiêng (Palatinose (9%), Isomalt (9%), Maltitol (5%)), Fructose, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Sữa non, Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat), Maltodextrin, Cholin, Taurin, Hương Vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Sản phẩm có chứa Đạm sữa, Đạm đậu nành.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị đắng đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Thành phần <i>Components</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Mức tối thiểu (trong 100 g)
Năng lượng/ <i>Energy</i>	kcal	328
Chất đạm/ <i>Protein</i>	g	14,8
BCAA	mg	2170
Chất béo/ <i>Lipid</i>	g	12,2
MUFA	mg	3926
PUFA	mg	1568
Omega 3	mg	136
Omega 6	mg	1172

Carbohydrat/ Carbohydrate	g	33,0
Đường tổng số	g	8,00
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) <i>Prebiotics (Polydextrose)</i>	g	3,76
Polyols	g	11,0
Sữa non/ <i>Colostrum</i>	g	2,92
IgG	mg	640
Lactoferrin	mg	14,6
Taurin/ <i>Taurine</i>	mg	5,52
Cholin/ <i>Choline</i>	mg	63,1
Vitamin/Vitamins		
Vitamin A	IU	1080
Vitamin D3	IU	287
Vitamin E	IU	5,76
Vitamin K1	µg	16,6
Vitamin C	mg	61,3
Vitamin B1	µg	635
Vitamin B2	µg	479
Niacin	µg	7394
Axit pantothenic/ <i>Pantothenic acid</i>	µg	2685
Vitamin B6	µg	906
Axit folic/ <i>Folic acid</i>	µg	48,0
Vitamin B12	µg	4,16
Biotin	µg	18,6
Khoáng chất/Minerals		
Natri/ <i>Sodium</i>	mg	223
Kali/ <i>Potassium</i>	mg	321
Clo/ <i>Chloride</i>	mg	290
Canxi/ <i>Calcium</i>	mg	373
Phốt pho/ <i>Phosphorus</i>	mg	250
Magiê/ <i>Magnesium</i>	mg	53,2
Sắt/ <i>Iron</i>	mg	3,20
Kẽm/ <i>Zinc</i>	mg	10,4
Mangan/ <i>Manganese</i>	µg	756
Đồng/ <i>Copper</i>	µg	282
I-ốt/ <i>Iodine</i>	µg	52,8
Selen/ <i>Selenium</i>	µg	12,8
Crôm/ <i>Chromium</i>	µg	43,0
Molypden/ <i>Molybdenum</i>	µg	13,8

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25 g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg	0,09
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Asen	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

5.4. Hàm lượng Melamin:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Hàm lượng Melamine	mg/kg	2,5

5.5. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.
- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Hướng dẫn sử dụng

Cho từ từ 5 muỗng gạt Colos Glucare (tương đương 45 g) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết..

Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

Nên uống 2 ly mỗi ngày. Các hình thức sử dụng khác theo chỉ định của bác sĩ.

7. Đối tượng sử dụng

Colos Glucare thích hợp với người đái tháo đường, tiền đái tháo đường và đái tháo đường thai kỳ; người cần tăng cường miễn dịch, bồi bổ sức khỏe và ổn định đường huyết.

Dùng cho người lớn và trẻ từ 3 tuổi.

Sản phẩm có thể chứa Galactose.

8. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

9. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

10. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách: Lon tráng thiếc, nắp thấp, khối lượng 400 g, 850 g, 900 g. Đóng gói đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế. Đóng gói quy cách khác khi có nhu cầu phát sinh.

11. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

12. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Phân phối và tiếp thị bởi NUTRICARE PHARMA CO., LTD

Địa chỉ: Số 9, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018,

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP,

Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

